| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/7/2024
V/v "Ly hôn giữa chị V với anh T"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Bùi Tư Duy
*Các Hội thẩm nhân dân*:
Ông Trần Anh Dũng;
Ông Nguyễn Quốc Sửu.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Dương Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị V, sinh năm 1997, (có mặt);
Nơi thường trú: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang
- Bị đơn: anh Giáp Văn T, sinh năm 1993, (vắng mặt);
Nơi thường trú: thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:

Chị và anh Giáp Văn T kết hôn ngày 08/12/2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, chị và anh T có thời gian tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu tại gia đình anh T ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị V có mặt và giữ nguyên yêu cầu trên.

* Tại bản tự khai ngày 21/02/2024 và những lời khai tiếp theo anh Giáp Văn T trình bầy:

Anh nhất trí với trình bày của chị V về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và thời điểm vợ chồng ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh có làm ăn kinh tế và nợ một khoản tiền, chị V biết việc nợ tiền trên nên đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Khi chị V về nhà bố mẹ đẻ thì anh có động viên về chung sống nhưng chị V không đồng ý. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh xác định không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt.

* Tham gia phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tung dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn có ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị V, xử:

Cho chị Trần Thị V được ly hôn với anh Giáp Văn T.

Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị V xin ly hôn với anh T, anh T có nơi thường trú tại thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Giáp Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng

mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị V kết hôn cùng anh Giáp Văn T ngày 08/12/2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, đến tháng 8/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế, khi xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anhTuân. Anh T cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nay anh không nhất trí ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy, chị V, anh T đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Nay anh T không nhất trí ly hôn với chị V, nhưng kể từ thời điểm vợ chồng ly thân cho đến nay, anh T không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, có thể thấy vợ chồng chị V, anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị V xin ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để cho chị V được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: không có

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị V, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trần Thị V được ly hôn với anh Giáp Văn T.

2. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị V đã nộp theo biên lai thu số 0006711 ngày 20/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Tư Duy**